

Số: /2020/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 3

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức vụ, chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng:

1. Cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây:

- Bí thư Đảng ủy;
- Phó Bí thư Đảng ủy;
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã có các chức danh sau đây:

- Trưởng Công an;
- Chỉ huy trưởng Quân sự;
- Công chức Văn phòng - Thống kê (phụ trách HĐND và UBND);
- Công chức Văn phòng - Thống kê (phụ trách một cửa, tiếp công dân và kiểm soát thủ tục hành chính);
- Công chức Văn phòng - Thống kê (phụ trách Văn phòng Đảng uỷ);
- Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);
- Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phụ trách môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường phụ trách xây dựng nông thôn mới (đối với xã);
- Công chức Tài chính - Kế toán;
- Công chức Tư pháp - Hộ tịch (phụ trách Hộ tịch);
- Công chức Tư pháp - Hộ tịch (phụ trách Chứng thực);
- Công chức Văn hoá - Xã hội (phụ trách Lao động - Thương binh - Xã hội và Giảm nghèo);
- Công chức Văn hoá - Xã hội (phụ trách Văn hóa - Thông tin - Thể thao - Giáo dục và Tôn giáo).

Điều 2. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và việc bố trí số lượng công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau:

a) Loại 1: Bố trí tối đa 23 người.

b) Loại 2: Bố trí tối đa 21 người.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã bằng hoặc thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này. Mỗi chức danh công chức cấp xã được bố trí số lượng từ 01 người trở lên (trừ chức danh Trưởng Công an xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã), đồng thời bảo đảm đúng với tên gọi chức danh quy định tại Điều 1 Quyết định này. Đối với các xã, phường, thị trấn bố trí Trưởng Công an cấp xã là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 Điều này giảm 01 người.

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2020 và thay thế Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về số lượng, chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn tỉnh Sóc Trăng.

2. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào Kế hoạch, Đề án của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy sắp xếp, bố trí mô hình sao cho phù hợp tình hình thực tế địa phương.

2. Trên cơ sở năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhu cầu thực tế tại địa phương và nguyện vọng của cán bộ, công chức cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định chấp thuận cho cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sóc Trăng;
- Hộp thư điện tử: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

